TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:282/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Đặng Huy Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 125/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Ngô Đình L, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cẩm H, xã Thanh S, huyện Kiến Th, thành phố Hải Ph; nơi ở hiện tại: Ibaraki ken, Higashiibaraki-Gun, Ibaraki machi, Ebisawa 1510-2, Nhật B ; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cẩm H, xã Thanh S, huyện Kiến Th, thành phố Hải Ph; hiện ở tại: Số nhà 32 Phúc L, phường Hưng Đ, quận Dương K, thành phố Hải Ph; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ngô Đình L thống nhất trình bày: Anh L và chị C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới hỏi

theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh S, huyện Kiến Th, thành phố Hải Ph vào ngày 07 tháng 5 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống với bố mẹ đẻ anh C tại thôn Cẩm H, xã Thanh S, huyện Kiến Th. Đến ngày 11/6/2017 anh C đi lao động và làm việc tại Nhật B. Thời gian anh C ở Nh, anh chị cũng thường xuyên liên lạc, hỏi thăm nhưng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do khoảng cách địa lý vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 9 năm 2022 chị C đã chuyển ra ngoài thuê nhà để ở nên ít quan tâm con cái, các con chung do bà nội trông nom, chăm sóc. Mặc dù gia đình hai bên đã động viên hoà giải để vợ chồng hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Nay anh L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm tới nhau nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị C.

Về con chung: Anh L và chị C có 02 con chung là Ngô Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/9/2012 và Ngô Thị Thanh B, sinh ngày 02/10/2014. Ly hôn, anh L có nguyện vọng nuôi cả hai con, vì anh cho rằng chị C đã ra ngoài sống không quan tâm đến con cái, các con chung vẫn đang ở với bà nội (mẹ đẻ anh L), mặc dù anh ở nước ngoài nhưng hàng tháng anh vẫn gửi tiền về để lo cho các con. Về cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị C đã có các bản tự khai, chị trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh S, huyện Kiến Th, thành phố Hải Ph vào ngày 07 tháng 5 năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng với mẹ anh L tại thôn Cẩm Hoàn, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thuỵ. Quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến tháng 6 năm 2017 anh L đi lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm đến nhau, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh C ít chu cấp tiền cũng như không quan tâm tới chị và các con. Đến năm 2022 chị quyết định ra ngoài thuê nhà và không ở cùng với mẹ chồng và các con nhưng cuối tuần chị vẫn về thăm nom các con. Chị C cũng trình bày chị cũng biết việc anh L đã làm đơn ly hôn với chị và chị đã nhận được Thông báo thụ lý về việc ly hôn của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.Chị có quan điểm về việc ly hôn chị đồng ý vì vợ chồng xa cách đã lâu nên tình cảm không còn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Ngô Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/9/2012 và Ngô Thị Thanh B, sinh ngày 02/10/2014. Hiện các con chung vẫn ở với mẹ anh L, cuối tuần chị vẫn về thăm các con. Ly hôn chị có

nguyện vọng được nuôi các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh L.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương thể hiện như sau: Về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như lời khai của nguyên đơn và bị đơn. Qua xác minh của địa phương hiện chị C đã ra ngoài sống từ tháng 9 năm 2022 đến nay và không rõ chỗ ở hiện nay của chị C. Các con chung của anh chị đang ở với mẹ đẻ anh L là bà Đỗ Thị Bằng.

Tại phiên toà sơ thẩm: Nguyên đơn – anh L vắng mặt, đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt anh L do ở xa không thể có mặt tại phiên toà. Bị đơn – chị C đồng ý ly hôn với anh L; về con chung có nguyện vọng được nuôi các con chung, về tài sản không yêu cầu Toà án, giải quyết chị sẽ có yêu cầu sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của anh L và chị C không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Đình L về việc ly hôn chị Bùi Thị C.

Về con chung: Giao con chung Ngô Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/9/2012 và Ngô Thị Thanh B, sinh ngày 02/10/2014 cho chị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh L và chị C không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, anh Ngô Đình L có yêu cầu ly hôn chị Bùi Thị C. Qua các tài liệu do đương sự cung cấp và xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh L sinh sống và làm việc tại Nhật Bản còn chị Bùi Thị C cư trú tại thôn Cẩm Hoàn, xã Thanh S, huyện Kiến Th, thành phố Hải Ph. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn anh Ngô Đình L vắng mặt và đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đình L và chị Bùi Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh S, huyện Kiến Th, thành phố Hải Ph vào ngày 07 tháng 5 năm 2012. Vì vậy, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị C và anh Ngô Đình L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị C: Theo lời khai của anh L, chị C cũng như việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều thống nhất thể hiện: Quá trình chung sống giữa anh L và chị C chỉ hoà thuận được mấy năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2022, anh L và chị C không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân chính là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa anh L và chị C không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L có yêu cầu ly hôn chị C là có căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, anh L và chị C có 02 con chung là Ngô Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/9/2012 và Ngô Thị Thanh B, sinh ngày 02/10/2014. Mặc dù, các con chung đang ở với mẹ đẻ anh L, bản thân anh L và các con chung cũng có nguyện vọng ở với bố nhưng hiện tại anh L đang ở nước ngoài nên việc giao con cho anh L không đảm bảo. Hơn nữa, chị C có nguyện vọng yêu cầu nuôi các con chung, chị C có nơi ở ổn định và đảm bảo được các điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi con chung. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao các con chung Ngô Thị Thanh Tr và Ngô Thị Thanh B cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh, chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Anh Ngô Đình L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy

định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Đình L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đình L ly hôn chị Bùi Thị C.

1.2.Về con chung*:* Giao con chung Ngô Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/9/2012 và Ngô Thị Thanh B, sinh ngày 02/10/2014 cho chị Bùi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dung việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Anh L và chị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Anh Ngô Đình L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh L đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000243 ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị C (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Ngô Đình L (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thuỵ, HP (GCNKH ngày 07/5/2012);
- Cục THA dân sự TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Bình